

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 500/2021/HSST
Ngày: 02-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Năm**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Chánh**.

2. Bà **Thiều Thị Phi Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Kim Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 524/2021/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 517/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Huỳnh N** (Tên gọi khác: Không)

Sinh năm : 1998 tại An Giang - Giới tính: Nữ.

Nơi đăng ký HKTT : Ấp Mỹ L Xã Mỹ P, huyện C, tỉnh A.

Nơi cư trú: Khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: Lớp 09/12.

Họ tên cha: Lê Thành T - Sinh năm : 1977.

Họ tên mẹ: Huỳnh Kim H - Sinh năm : 1980.

Gia đình có 02 chị em. Bị cáo là con lớn nhất.

Họ tên chồng: Lâm Văn T - Sinh năm: 1992 đã ly hôn và có 02 con (Lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị hại :

1. Ông **Lý Và C** – Sinh năm 1984. Địa chỉ : xã Phú Lợi, huyện Định Quán. Tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông **Hồ Văn T** – Sinh năm 1992. Địa chỉ : Khu phố 9, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Trong thời gian từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, Lê Thị Huỳnh N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau :

Vụ thứ nhất: Vào cuối năm 2019, thông qua mạng xã hội nên Lê Thị Huỳnh N và anh Lý Và C (sinh năm 1984), ngụ tại xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau. Vào khoảng 13 giờ ngày 05/3/2020, anh Lý Và C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60B4-344.55 đi đến phường Long Bình đón N đi chơi. Sau đó, anh C chở N đi đến Nhà nghỉ “Liên H” thuộc phường B, thành phố Biên Hòa thuê phòng số 10 để quan hệ tình dục. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi quan hệ tình dục xong thì N hỏi mượn xe mô tô biển số 60B4-344.55 để đi công việc, anh Lý Và C đồng ý cho N mượn. N đi đến lấy chìa khóa xe mô tô để ở trên bàn và tự ý lục ví (bóp) lấy giấy đăng ký xe mô tô để trong túi quần của anh C treo trên tường. Sau đó, N đi xuống nhà để xe lấy xe mô tô biển số 60B4-344.55 đi ra khỏi nhà nghỉ. Sau khi lấy xe N nảy sinh ý định sinh chiếm đoạt xe mô tô trên bằng cách đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. N điều khiển xe mô tô biển số 60B4-344.55 đi đến tiệm cầm đồ “Kim ” địa chỉ số 3, tổ 1, khu phố , phường L, thành phố Biên Hòa do anh Nguyễn Đình T làm chủ. N nói với anh T là xe mô tô của anh họ bán lại cho N nhưng chưa sang tên nên anh T đồng ý cầm với số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), số tiền này N đã tiêu xài hết. Sau khi phát hiện N đã lấy xe, anh C trình báo đến Công an phường Bình Đa lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô biển số 60B4-344.55, sau khi trộm cắp N đã cầm xe cho anh Nguyễn Đình T là chủ tiệm cầm đồ “Kim ” địa chỉ số 3, tổ 13 khu phố , phường L, thành phố Biên Hòa. Do anh Nguyễn Đình T không nói cho chị Lê Thị Kim D vợ anh T biết là xe mô tô biển số 60B4-344.55 Công an phường L, thành phố Biên Hòa đã lập biên bản giao cho anh T quản lý, không được bán - trao đổi nên khi anh T đi công chuyện chị D ở nhà đã bán cho một người khách đến mua xe (không rõ nhân thân) với số tiền là 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) nên không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số: 411/TCKH-HĐĐG ngày 18/9/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01(một) xe mô tô biển số 60B4-344.55, có tổng giá trị tài sản định giá là 36.470.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trách nhiệm dân sự : Quá trình điều tra, bị hại anh Lý Và C yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô biển số 60B4-344.55 theo quy định pháp luật.

Vụ thứ hai: Thông qua mạng xã hội nên Lê Thị Huỳnh N và anh Hồ Văn T (sinh năm 1992), ngụ tại khu phố 9, phường A, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày

15/7/2020, anh T điều khiển xe mô tô biển số 37L2-146.79 đi đến cầu 201 thuộc khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa chở Lê Thị Huỳnh N đi vào Nhà nghỉ “Nam” thuộc khu phố 11, phường A, thành phố Biên Hòa thuê phòng số 12 để quan hệ tình dục. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng anh T vào nhà vệ sinh N đã lấy giấy Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe và lấy chìa khóa xe mô tô biển số 37L2-146.79 của anh T rồi đi xuống nhà để xe lấy xe mô tô biển số 37L2-146.79 của anh T chạy về huyện Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa bán cho anh Nguyễn Văn Tiến (sinh năm 1966), ngụ tại ấp Trầu, xã Phước T, tỉnh Đồng Nai được số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và đã tiêu xài hết. Sau khi mua xe mô tô biển số 37L2-146.79, anh T đã bán xe lại cho anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1977) là chủ tiệm mua bán xe cũ địa chỉ đường 319 ấp Bến Cam, xã Phước Thiện, huyện N, tỉnh Đồng Nai với giá 10.700.000 đồng (Mười triệu, bảy trăm nghìn đồng), rồi anh D bán lại xe mô tô biển số 37L2-146.79 cho người tên Nhân (không rõ nhân thân). Sau khi phát hiện bị mất xe, anh T trình báo đến Công an phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Đến ngày 10/9/2020, anh T phát hiện N tại khu vực phường Long B, thành phố Biên Hòa nên đã báo Công an Phường An Bình, thành phố Biên Hòa đến đưa N về làm việc và lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, N đã khai nhận hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô biển số 37L2- 146.79, sau khi trộm cắp N đã bán xe cho anh Nguyễn Văn T, anh T bán lại cho anh Nguyễn Văn D sau đó anh D bán lại cho một người tên Nhân (không rõ nhân thân) kèm theo 01 (một) giấy Chứng minh nhân dân mang tên anh Hồ Văn T và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 37L2-146.79 nên không thu hồi được.

- 01 (một) USB hiệu Kingston DTSE9 loại 08GB màu bạc ghi lại cảnh Lê Thị Huỳnh N thực hiện hành vi trộm cắp. (Lưu hồ sơ vụ án).

Kết luận định giá tài sản số: 495/TCKH-HĐĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01(một) xe mô tô biển số 37L2- 146.79, có tổng giá trị tài sản định giá là 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trách nhiệm dân sự : Quá trình điều tra, bị hại anh Hồ Văn T yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô biển số 37L2-146.79 theo quy định pháp luật.

Tại cáo trạng số 534/CT/VKSBH ngày 06/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Thị Huỳnh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Huỳnh N từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

và từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt : Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Bị cáo và bị hại đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và bị hại theo quy định tại Điều 290 và 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Vụ thứ 1 : Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/3/2020, tại Nhà nghỉ “Liên H” thuộc khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hòa, Lê Thị Huỳnh N đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60B4-344.55 có tổng giá trị tài sản định giá là 36.470.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) của anh Lý Và Chi.

Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Vụ thứ 2 : Vào 17 giờ 30 phút ngày 15/7/2020, tại Nhà nghỉ “Nam ” thuộc khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị cáo Lê Thị Huỳnh N đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 37L2 - 145.79 có tổng giá trị tài sản định giá là 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) của anh Hồ Văn T.

Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do vậy hai hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm a tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố và viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Cần có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình có 02 con còn nhỏ (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018) theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với vụ thứ nhất : 01 xe mô tô biển số 60B4-344.55, sau khi trộm cắp N đã cầm xe cho anh Nguyễn Đình T là chủ tiệm cầm đồ “Kim D” địa chỉ số 3, tổ 13, khu phố 6, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa. Do anh Nguyễn Đình T không nói cho chị Lê Thị Kim D (là vợ anh T) biết là xe mô tô biển số 60B4-344.55 Công an phường Long Bình, thành phố Biên Hòa đã lập biên bản giao cho anh T quản lý, không được bán - trao đổi nên khi anh T đi công chuyện chị D ở nhà đã bán cho một người khách đến mua xe (không rõ nhân thân) với số tiền là 16.200.000 đồng nên không thu hồi được.

Đối với vụ thứ hai :

- 01 xe mô tô biển số 37L2 - 146.79 sau khi trộm cắp bị cáo N đã bán xe cho anh Nguyễn Văn T, anh T bán lại cho anh Nguyễn Văn D sau đó anh D bán lại cho một người tên Nhân (không rõ nhân thân) kèm theo 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên anh Hồ Văn T và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 37L2-146.79 nên không thu hồi được.

- 01 USB hiệu Kingston DTSE9 loại 08GB màu bạc ghi lại cảnh Lê Thị Huỳnh N thực hiện hành vi trộm cắp - Lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, bị hại anh Lý Và C yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô biển số 60B4-344.55 theo quy định pháp luật.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 25/11/2021, bị hại – Anh Lý Và C yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô 60B4-344.55 theo quy định của pháp luật là 36.470.000 đồng. Xét yêu cầu này của anh C là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Quá trình điều tra, bị hại anh Hồ Văn T yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô 37L2- 146.79 theo quy định pháp luật.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 25/11/2021, bị hại – Anh Hồ Văn T yêu cầu bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô 37L2 - 146.79 theo quy định của pháp luật là 15.040.000 đồng. Xét yêu cầu này của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Quá trình điều tra, anh Hồ Văn T còn khai nhận ngoài bị mất xe mô tô biển số 37L2-146.79 thì anh T còn bị mất số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng qua điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Huỳnh N khai nhận chỉ lấy xe mô tô biển số 37L2-146.79; 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên anh T và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 37L2-146.79, không thừa nhận lấy số tiền 600.000 đồng. Ngoài lời khai của anh T ra thì không có chứng cứ tài liệu nào khác thể hiện N đã lấy số tiền này nên không có căn cứ để xác định N đã trộm cắp số tiền 600.000 đồng của anh T.

Đối với anh Nguyễn Văn T đã có hành vi nhận cầm xe mô tô biển số 60B4-344.55, anh T không biết là xe do Lê Thị Huỳnh N phạm tội mà có. Tuy nhiên, vào ngày 06/3/2020, Công an phường L đã tiến hành lập biên bản giao cho anh T quản lý, không được bán, trao đổi đối với xe mô tô biển số 60B4-344.55 để phục vụ điều tra. Trong thời gian giao quản lý xe thì chị Lê Thị Kim D (là vợ của anh T) đã bán xe mô tô biển số 60B4-344.55 cho khách mua xe (không rõ nhân thân) nên hiện nay xe mô tô biển số 60B4-344.55 không thu hồi được. Do đó, cần phải tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn D có hành vi mua xe mô tô biển số 37L2 - 146.79 của Lê Thị Huỳnh N, nhưng anh T, anh D không biết xe mô tô là do N trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T, anh D là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Đối với người tên N có hành vi mua xe mô tô biển số 37L2 - 146.79 do anh Nguyễn Văn D bán lại, hiện không xác định được nhân thân lai lịch của N nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.575.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Huỳnh N** phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xôu phạt : Bị cáo **Lê Thị Huỳnh N 01 (một) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản” và **01 (một) năm tù** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là **02 (hai) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô biển số 37L2- 146.79 cho anh Hồ Văn T với số tiền là 15.040.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Thị Huỳnh N bồi thường giá trị tài sản là chiếc xe mô tô biển số 60B4-344.55 cho anh Lý Văn C với số tiền là 36.470.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)

4. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.575.500đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án, bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP. Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo; Bị hại (3);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Năm